TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI NƯỚC** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 21-6-2024
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Ngọc Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tuấn

2. Ông Nguyễn Văn Sol

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc San - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 169/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024 về việc tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thúy H, sinh năm 1983 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã Ph, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Lê Huy H1, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã Ph, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 19/3/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Lê Thúy H trình bày:

Về hôn nhân: Qua thời gian tìm hiểu, được sự thống nhất của gia đình hai bên, bà và ông Lê Huy H1 nên vợ chồng vào năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu bà và ông H1 chung sống rất hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây hôn nhân giữa bà và ông H1 không còn hạnh phúc do bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã với nhau. Hiện nay, ông H1 bỏ đi làm ăn xa, khoảng hai đến ba tháng mới về nhà một lần, mỗi lần ông H1 về nhà thì

nhậu nhẹt rồi chửi bới, nói những lời thô tục, xúc phạm bà; gần đây vào tháng 02/2024 ông H1 có nhậu nhẹt rồi chửi bới bà, chị chồng bà là bà Lê Thị H2 có chứng kiến và ngăn cản nhưng ông H1 vẫn không nghe. Nay xét thấy, hôn nhân giữa bà và ông H1 không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Huy H1.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà và ông Lê Huy H1 có ba người con chung tên: Lê Nhã Q, sinh ngày 01/5/2003; Lê Ái N, sinh ngày 29/6/2010 và Lê Nhật H3, sinh ngày 07/3/2016. Sau khi ly hôn, đối với con tên Lê Nhã Q đã trưởng thành, không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với con tên Lê Ái N và Lê Nhật H3 hiện đang sống cùng với bà, bà có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc hai con, bà không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống bà và ông Lê Huy H1 có tài sản chung nhưng bà và ông H1 tự thỏa thuận, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu, nợ trả: Trong thời gian chung sống bà và ông Lê Huy H1 không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng ông bà, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn là ông Lê Huy H1 được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đã hết thời hạn theo quy định pháp luật mà ông H1 không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu ly hôn của bà Lê Thúy H. Đồng thời, Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ hai lần thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn là ông Lê Huy H1 vắng mặt không lý do nên không tiến hành hòa giải được, cũng như nghe ý kiến của ông H1 về yêu cầu ly hôn của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa bà Lê Thúy H và ông Lê Huy H1 là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Xin ly hôn", bị đơn có nơi cư trú tại ấp R, xã Ph, huyện C, tỉnh Cà Mau nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là

Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn là ông Lê Huy H vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thúy H và ông Lê Huy H1 chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền.

Theo bà H trình bày thì thời gian đầu bà và ông H1 chung sống rất hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây hôn nhân giữa bà và ông H1 không còn hạnh phúc do bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã với nhau; hiện nay, ông H1 bỏ đi làm ăn xa, khoảng hai đến ba tháng mới về nhà một lần, mỗi lần ông H1 về nhà thì nhậu nhẹt rồi chửi bới, nói những lời thô tục, xúc phạm bà; gần đây vào tháng 02/2024 ông H1 có nhậu nhẹt rồi chửi bới bà, chị chồng bà là bà Lê Thị H2 có chứng kiến và ngăn cản nhưng ông H1 vẫn không nghe; nay xét thấy, hôn nhân giữa bà và ông H1 không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Huy H1. Đối với ông Lê Huy H1, trong quá trình tố tụng ông H1 không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà Lê Thúy H, như vậy ông H1 đã từ bỏ quyền chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời không có thiện chí hàn gắn cuộc hôn nhân đối với bà H. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà Lê Thúy H và ông Lê Huy H1 không còn, ông H1 chửi bới, xúc phạm bà H, bà H cương quyết ly hôn, ông H1 không có thiện chí hàn gắn, điều này cho thấy hôn nhân giữa bà H và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được; mặt khác, bà Lê Thúy H và ông Lê Huy H1 chung sống với nhau từ năm 2000 đến nay không đăng ký kết hôn nên căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân của bà H và ông H1 không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[4] Về con chung: Theo trình bày của bà Lê Thúy H thì trong thời gian chung sống bà H và ông H1 có ba người con chung tên: Lê Nhã Q, sinh ngày 01/5/2003; Lê Ái N, sinh ngày 29/6/2010 và Lê Nhật H3, sinh ngày 07/3/2016. Sau khi ly hôn, đối với con tên Lê Nhã Q đã trưởng thành, không mất năng lực hành vi

dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông H1 không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét; đối với con tên Lê Ái N và Lê Nhật H3 hiện đang sống ổn định cùng với bà H và có nguyện vọng được sống cùng với bà H (Tại các Biên bản ghi nhận ý kiến của con ngày 17/5/2024), bà H có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc hai con, ông H1 không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H giao con tên N và H3 cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi hai con đủ 18 tuổi.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thúy H không yêu cầu ông Lê Huy H1 cấp dưỡng nuôi con, ông H1 không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: Theo trình bày của bà Lê Thúy H thì trong thời gian chung sống có tài sản chung nhưng bà H và ông H1 tự thỏa thuận, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông H1 không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ thu, nợ trả: Theo trình bày của bà Lê Thúy H thì trong thời gian chung sống bà H và ông H1 không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng ông bà, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông H1 không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 91, 147, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình;

- Các Điều 14, 51, 53, 56, 81, 81, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thúy H và ông Lê Huy H1.

2. Về con chung: Không đặt ra xem xét giải quyết đối với con chung tên Lê Nhã Q, sinh ngày 01/5/2003. Giao con chung tên Lê Ái N, sinh ngày 29/6/2010 và con chung tên Lê Nhật H3, sinh ngày 07/3/2016 cho bà Lê Thúy H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Ông Lê Huy H1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà Lê Thúy H.

3. Về tài sản chung: Đương sự trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ thu, nợ trả: Đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Lê Thúy H phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0012995 ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Bà Lê Thúy H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Huy H1 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Phú Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Bùi Ngọc Huyền